

Số: 571/TTKSBT-TCGXDKH&LCNT  
V/v nhu cầu dịch vụ bảo dưỡng thiết bị năm  
2026 và kiểm định, Bảo dưỡng, hiệu chuẩn,  
kiểm định thiết bị năm 2026 - 2028

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

*Kính gửi:* Các đơn vị, các nhà cung cấp dịch vụ  
Bảo dưỡng, hiệu chuẩn, kiểm định tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Để có cơ sở xây dựng dự toán và lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ Bảo dưỡng, hiệu chuẩn, kiểm định, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh trân trọng kính mời các đơn vị, nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm và quan tâm tham gia báo giá các sản phẩm/dịch vụ với các nội dung chi tiết như sau:

### **1. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:**

- Tên đơn vị: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
- Địa chỉ: Phố Hải Phúc, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
- Mã số thuế: 5701937551
- Thông tin liên hệ:
  - + Người liên hệ: Ông Bùi Tuấn Lâm –
  - + Chức vụ: Quản lý máy móc, thiết bị chuyên dùng tại Trung tâm
  - + Số điện thoại: 0988910010
  - + Email: tuanlamqn@gmail.com

### **2. Nội dung yêu cầu báo giá: có thể báo giá từng danh mục cụ thể.**

- Danh mục dịch vụ: Chi tiết về tên dịch vụ, số lượng, chi tiết tại phụ lục kèm theo.

- Mục đích báo giá: Làm cơ sở xây dựng giá để tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

### **3. Thời hạn, địa điểm và hình thức nộp báo giá:**

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Kể từ ngày phát hành Thông báo này đến trước 8 giờ 00 phút, ngày 9/4/2026.

*Lưu ý: Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.*

- Hình thức nộp báo giá:

+ Nộp bản cứng (có dấu và chữ ký của người đại diện hợp pháp) trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

+ Gửi kèm bản mềm (file scan PDF) qua địa chỉ email đã nêu tại Mục 1.

- Địa điểm nhận báo giá (bản cứng):

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ: Phố Hải Phúc, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

### **4. Yêu cầu đối với báo giá:**

Để đảm bảo tính hợp lệ, báo giá của Quý đơn vị cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Báo giá được lập theo mẫu tại Phụ lục 02 đính kèm.

- Báo giá có hiệu lực tối thiểu 120 ngày kể từ ngày phát hành.

- Đơn giá chào đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác liên quan để cung cấp dịch vụ tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh. Địa chỉ: Phố Hải Phúc, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

- Báo giá phải được ký và đóng dấu bởi người đại diện hợp pháp của đơn vị.

- Kèm theo báo giá là các tài liệu sau:

+ Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

+ Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm (nếu có): hợp đồng cung cấp dịch vụ tương tự đã thực hiện (nếu có).

+ Trong thư chào giá phải có nội dung **cam kết đáp ứng tư cách hợp lệ theo quy định tại Điều 5 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.**

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh rất mong nhận được sự quan tâm và báo giá của các đơn vị.

Trân trọng thông báo./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Sở Y tế Quảng Ninh (để đăng tải);
- Các khoa/ phòng trung tâm (để biết);
- TCHC (để đăng tải);
- Lưu VT, TCGXDKH&LCNT.

**GIÁM ĐỐC**

**Vũ Quyết Thắng**

## PHỤ LỤC 1

(Kèm theo yêu cầu báo giá số 571/TTKSBT-TCGXDKH&LCNT ngày 30/3/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh)

### I. DANH MỤC THIẾT BỊ NHU CẦU BẢO DƯỠNG NĂM 2026

TT	Tên dịch vụ	Nội dung	Số lượng	Đơn vị tính
1	Bảo dưỡng Máy siêu âm tổng quát (máy siêu âm màu Doppler) Model: Mylab A50 HSX: Esaote	Bảo trì toàn bộ thiết bị theo quy định của nhà sản xuất	1	Cái
2	Bảo dưỡng Máy Soi CTC Model: LT-300HD HSX: Lutech Industries, Inc.	Bảo trì toàn bộ thiết bị theo quy định của nhà sản xuất	1	Cái
3	Bảo dưỡng Máy siêu âm xách tay Model: LOGIQ V2 HSX: GE Healthcare	Bảo trì toàn bộ thiết bị theo quy định của nhà sản xuất	1	Cái
4	Bảo dưỡng Máy siêu âm tổng quát (máy siêu âm màu xách tay) Model: ACUSON P500 HSX: Siemens Healthcare s.r.o., Slovakia	Bảo trì toàn bộ thiết bị theo quy định của nhà sản xuất	1	Cái
5	Bảo dưỡng Máy Quang phổ phát xạ cảm ứng Plasma (ICPE). Model: ICPE - 9000. HSX: Shimadzu. NSX: Nhật Bản	<ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra và vệ sinh toàn bộ thiết bị bao gồm<ul style="list-style-type: none"><li>- Hệ thống điện</li><li>- Hệ thống cung cấp khí đốt và khí mang (nếu có)</li><li>- Buồng plasma</li><li>- Bộ làm mát cho đầu dò CCD và cuộn RF</li><li>- Thay molecular seal trong buồng quang và trong bơm chân không</li><li>- Kiểm tra rò rỉ (nước và khí Argon)</li><li>- Kiểm tra nhiệt độ buồng quang và nhiệt độ của CCD hiển thị trên màn hình</li><li>- Thực hiện hiệu chuẩn bước sóng</li><li>- Kiểm tra độ chính xác và độ nhạy của máy sử dụng P và Pb</li></ul></li><li>• Thực hiện bảo dưỡng, hiệu chỉnh thiết bị theo quy trình của nhà sản xuất</li><li>• Làm báo cáo (OQ) để lưu và gửi cho người sử dụng về tình trạng của thiết bị sau khi hoàn thành công việc hiệu chỉnh</li><li>• Tư vấn cách vận hành tối ưu, phòng ngừa các sự cố có thể xảy ra trong quá trình sử dụng, có kế hoạch dự phòng phù hợp</li></ul>	1	Máy

TT	Tên dịch vụ	Nội dung	Số lượng	Đơn vị tính
6	Bảo dưỡng và hiệu chỉnh Máy Quang phổ tử ngoại khả kiến (UV-Vis). Model: UV1601PC. HSX: Shimadzu. NSX: Nhật Bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểm tra và vệ sinh toàn bộ thiết bị bao gồm               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống điện</li> <li>- Hệ thống quang học (nếu cần thiết)</li> <li>- Buồng đo mẫu</li> </ul> </li> <li>• Thực hiện bảo dưỡng, hiệu chỉnh thiết bị theo quy trình của nhà sản xuất gồm:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra tình trạng chung của phần cứng (ROM)</li> <li>- Phần mềm và khởi động máy</li> <li>- Độ chính xác, độ lặp lại của bước sóng</li> <li>- Độ chính xác, độ lặp lại của trắc quang</li> <li>- Độ phẳng của đường nền.</li> </ul> </li> <li>• Làm báo cáo (OQ) để lưu và gửi cho người sử dụng về tình trạng của thiết bị sau khi hoàn thành công việc hiệu chỉnh</li> <li>• Tư vấn cách vận hành tối ưu, phòng ngừa các sự cố có thể xảy ra trong quá trình sử dụng, có kế hoạch dự phòng phù hợp.</li> </ul>	1	Máy
7	Bảo dưỡng Hệ thống sắc ký lỏng khối phổ LC-MS/MS. Model: LCMS-8040. HSX: Shimadzu. NSX: Nhật Bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểm tra và vệ sinh toàn bộ thiết bị bao gồm               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống điện</li> <li>- Hệ thống bơm dung môi</li> <li>- Hệ thống tiêm mẫu</li> <li>- Hệ thống lò cột</li> <li>- Hệ thống detector khối phổ</li> </ul> </li> <li>• Thực hiện bảo dưỡng, hiệu chỉnh thiết bị theo quy trình của nhà sản xuất gồm:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động của máy tính và thiết bị phụ trợ</li> <li>- Phần mềm Labsolution:                   <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kiểm tra chương trình phần mềm</li> <li>+ Tính năng bảo mật</li> </ul> </li> <li>- Bơm:                   <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Độ dao động của áp suất</li> <li>+ Giới hạn áp suất</li> <li>+ Rò rỉ</li> <li>+ Độ chính xác của tốc độ dòng</li> </ul> </li> <li>- Bộ phận tiêm mẫu tự động:                   <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sensor vị trí của bộ phận tiêm mẫu tự động</li> <li>+ Độ chính xác thể tích tiêm</li> </ul> </li> <li>- Bộ phận ổn định nhiệt độ:                   <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Độ chính xác của nhiệt độ</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul>	1	Máy

TT	Tên dịch vụ	Nội dung	Số lượng	Đơn vị tính
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sự dao động của nhiệt độ</li> <li>- Đầu dò:</li> <li>+ Auto tuning</li> <li>+ Độ nhạy thiết bị</li> <li>+ Độ lặp lại của phép đo</li> <li>• Làm báo cáo (OQ) để lưu và gửi cho người sử dụng về tình trạng của thiết bị sau khi hoàn thành công việc hiệu chỉnh</li> <li>• Tư vấn cách vận hành tối ưu, phòng ngừa các sự cố có thể xảy ra trong quá trình sử dụng, có kế hoạch dự phòng phù hợp</li> <li>• Dịch vụ sau bảo dưỡng: Kiểm tra và hỗ trợ khắc phục sự cố tối đa 4 lần trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng (không bao gồm linh kiện, phụ kiện sửa chữa).</li> </ul>		
8	<p>Bảo dưỡng máy sắc ký khí 2 lần khối phổ GS-MS/MS. Model: TSQ 8000 Evo. HSX: Thermo Scientific. NSX: Mỹ</p>	<p>I. Dịch vụ bảo dưỡng:</p> <p>1. Phần máy khối phổ MS:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra, làm sạch ion volume;</li> <li>- Kiểm tra, thay sợi đốt của buồng ion nếu cần thiết;</li> <li>- Kiểm tra, làm sạch buồng phân tích;</li> <li>- Kiểm tra, làm sạch hoặc thay detector nếu cần thiết;</li> <li>- Kiểm tra bơm sơ cấp và thay dầu nếu cần;</li> <li>- Thêm chất hiệu chuẩn nếu cần;</li> <li>- Làm sạch các bộ lọc của quạt;</li> <li>- Kiểm tra các nguồn cấp cho máy;</li> <li>- Kiểm tra và hiệu chuẩn RF dip và RF gain;</li> <li>- Kiểm tra bình khí Argon, thay thế nếu cần thiết</li> </ul> <p>2. Phần máy TRACE GC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra và làm sạch buồng tiêm mẫu;</li> <li>- Kiểm tra, đánh giá lại cột;</li> <li>- Kiểm tra hở hệ thống, làm kín lại nếu cần thiết;</li> <li>- Kiểm tra bình khí He, thay thế nếu cần thiết;</li> <li>- Kiểm tra nguồn cấp cho máy;</li> <li>- Làm sạch và kiểm tra chế độ vận hành của Triplus;</li> </ul> <p>II. Dịch vụ sau bảo dưỡng: Tối đa không quá 4 lần kiểm tra và hỗ trợ khắc phục sự cố trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng (không bao gồm linh kiện, phụ kiện sửa chữa).</p>	1	Máy

TT	Tên dịch vụ	Nội dung	Số lượng	Đơn vị tính
9	Bảo dưỡng Hệ thống máy quang phổ phát xạ plasma ghép khối phổ ICP/MS. Model: ICAP RQ. HSX: Thermo Scientific. NSX: Mỹ	<p>I. Dịch vụ bảo dưỡng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra và hiệu chỉnh tốc độ bộ chụp hút khí thải. Làm sạch cảm biến tốc độ gió</li> <li>- Kiểm tra chức năng đánh plasma</li> <li>- Kiểm tra chức năng các khóa an toàn về nước, khí, cửa buồng plasma</li> <li>- Kiểm tra phần nước làm mát và cấp khí (áp, dòng, rò rỉ)</li> <li>- Kiểm tra phần tiếp đất</li> <li>- Thay dầu chân không. Thay lọc dầu nếu cần</li> <li>- Thay tấm dầu bôi trơn bơm Turbo nếu cần</li> <li>- Kiểm tra và làm sạch phần chỉ thị chân không</li> <li>- Kiểm tra và vệ sinh các quạt trong máy</li> <li>- Kiểm tra chức năng hoạt động của bộ đưa mẫu tự động (nếu có bộ này)</li> <li>- Thay thế các gioăng chân không để đảm bảo kín chân không</li> <li>- Kiểm tra tình trạng và làm sạch các bảng mạch điện tử</li> <li>- Bảo dưỡng phần interface: skimmer cone, sample cone, cone gasket, extraction lens</li> <li>- Kiểm tra và làm sạch buồng plasma, phần dẫn mẫu (torch, insert, ...)</li> <li>- Kiểm tra và làm sạch các tấm lọc bụi</li> <li>- Bảo dưỡng máy làm mát nước (chiller), thay nước làm mát, thay cột lọc nước nếu cần</li> <li>- Kiểm tra và làm sạch máy tính</li> <li>- Hiệu chuẩn số khối (mass calibration), hiệu chuẩn detector, tune lại máy và chạy kiểm tra hiệu năng của máy</li> </ul> <p>II. Dịch vụ sau bảo dưỡng: Tối đa không quá 4 lần kiểm tra và hỗ trợ khắc phục sự cố trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng (không bao gồm linh kiện, phụ kiện sửa chữa)</p>	1	Máy
10	Bảo dưỡng Hệ thống sắc ký ion IC. Model: ICS -5000+ EG. HSX: Thermo Scientific. NSX: Mỹ	<p>I. Dịch vụ bảo dưỡng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra và làm sạch toàn bộ hệ thống</li> <li>- Kiểm tra và thay thế lõi lọc pha động (thay thế nếu cần thiết)</li> <li>- Kiểm tra và làm sạch piston (thay thế nếu cần thiết)</li> <li>- Kiểm tra và thay thế vòng đệm piston (thay thế nếu cần thiết)</li> <li>- Kiểm tra và thay thế các o-ring (thay thế nếu cần thiết)</li> <li>- Kiểm tra và thay thế Check valve in, check valve out (thay thế nếu cần thiết)</li> <li>- Kiểm tra và thay thế vòng đệm van môi bơm (thay thế nếu cần thiết)</li> <li>- Kiểm tra và bảo dưỡng phần mô tơ bơm</li> <li>- Kiểm tra và bảo dưỡng van 6 cổng</li> <li>- Kiểm tra và làm sạch đầu dò độ dẫn, kiểm tra độ nhiễu và độ trôi</li> </ul>	1	Máy

TT	Tên dịch vụ	Nội dung	Số lượng	Đơn vị tính
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra áp suất và tốc độ dòng của hệ thống</li> <li>- Kiểm tra và thay thế đầu kim bộ bơm mẫu tự động, chỉnh lại vị trí đầu kim (thay thế nếu cần thiết)</li> <li>- Kiểm tra và sao lưu dữ liệu phần mềm Chromeleon</li> <li>- Chạy mẫu chuẩn kiểm tra sau khi bảo dưỡng</li> </ul>		
11	Bảo dưỡng Bộ quang phổ hấp thụ nguyên tử. Model: AA280FS /AA240Z/VGA77. HSX: Varian. NSX: Mỹ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vệ sinh, bảo dưỡng tổng thể thiết bị. Hiệu chỉnh các thông số của thiết bị đảm bảo chính xác cao nhất.</li> <li>- Đánh giá thực trạng thiết bị từ đó đưa ra các đề xuất khắc phục (nếu có)</li> </ul>	1	Bộ
12	Bảo dưỡng Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử. Model: Agilent 280 FSAA. HSX: Agilent. NSX: Úc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vệ sinh, bảo dưỡng tổng thể thiết bị. Hiệu chỉnh các thông số của thiết bị đảm bảo chính xác cao nhất.</li> <li>- Đánh giá thực trạng thiết bị từ đó đưa ra các đề xuất khắc phục (nếu có)</li> </ul>	1	Bộ
13	Bảo dưỡng Máy sắc ký lỏng HPLC. Model: 1260. HSX: Agilent. NSX: Đức	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vệ sinh, bảo dưỡng tổng thể thiết bị. Hiệu chỉnh các thông số của thiết bị đảm bảo chính xác cao nhất.</li> <li>- Đánh giá thực trạng thiết bị từ đó đưa ra các đề xuất khắc phục (nếu có)</li> </ul>	1	Bộ
14	Bảo dưỡng Thiết bị đo hoạt động phóng xạ Anpha – Beta phong thấp (Máy đo tổng hoạt độ phóng xạ Anpha, Beta). Model: S6-LB. HSX: Mirion Technologies (Canberra). NSX: Mỹ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vệ sinh, bảo dưỡng tổng thể thiết bị. Hiệu chỉnh các thông số của thiết bị đảm bảo chính xác cao nhất.</li> <li>- Đánh giá thực trạng thiết bị từ đó đưa ra các đề xuất khắc phục (nếu có)</li> <li>- Kiểm tra ngoại quan thiết bị: vỏ máy, màn hình cảm ứng, khay mẫu, cảm biến, đầu dò, các phụ kiện kết nối.</li> <li>- Kiểm tra hoạt động khởi động hệ thống: xác minh quá trình khởi động, hiển thị đúng trạng thái thiết bị</li> <li>- Vệ sinh cơ cấu trượt và khay mẫu: Làm sạch bụi, mặt mẫu, đảm bảo trượt mượt, không kẹt</li> <li>- Kiểm tra trực truyền động, bộ đổi mẫu tự động: Căn chỉnh cơ khí nếu lệch vị trí, gây đếm sai hoặc kẹt mẫu.</li> <li>- Kiểm tra cảm biến vị trí mẫu: hiệu chỉnh cảm biến nếu sai lệch</li> <li>- Kiểm tra đầu dò dòng khí (GFPC): Kiểm tra tình trạng cửa sổ mỏng detector (ultra-thin window). Đảm bảo không bụi, không rách hoặc nhiễm bụi dẫn điện- Kiểm tra hệ thống HV (điện cao áp): Xác định ổn định điện áp cung cấp detector</li> <li>- Kiểm tra bộ tiền khuếch đại (Preamp) và mạch khuếch đại chính: Đo tín hiệu xung, kiểm tra nhiễu nền, điều chỉnh gain nếu cần.</li> <li>- Kiểm tra đường dẫn khí P-10: Kiểm tra rò rỉ, áp suất ổn định, điều chỉnh lưu lượng</li> <li>- Kiểm tra guard detector (không khí hoặc plastic scintillator): Xác minh hoạt động đồng bộ và chống trùng tốt</li> </ul>	1	Máy

TT	Tên dịch vụ	Nội dung	Số lượng	Đơn vị tính
		- Xả khí toàn bộ hệ thống (Gas Purge) (nếu cần): giúp làm sạch khí tồn lưu - Kiểm tra phần mềm Apex-Alpha/Beta: Kiểm tra các tính năng: đếm mẫu, hiệu chuẩn, báo cáo		
15	Bảo dưỡng Bộ chiết xuất đậm (Bộ chiết suất đậm). Model: Vapodest 450/TTs125/TURK. HSX: Gerhardt. NSX: Đức	- Vệ sinh, bảo dưỡng tổng thể thiết bị. Hiệu chỉnh các thông số của thiết bị đảm bảo chính xác cao nhất. - Đánh giá thực trạng thiết bị từ đó đưa ra các đề xuất khắc phục (nếu có)	1	Bộ
16	Bảo dưỡng thiết bị phụ trợ - Máy sinh khí nito, máy nén khí sạch AG OFCAS. Model: NG EOLO 500. HSX: LNI. NSX: Thụy Sĩ	- Vệ sinh, bảo dưỡng tổng thể thiết bị. Hiệu chỉnh các thông số của thiết bị đảm bảo chính xác cao nhất. - Đánh giá thực trạng thiết bị từ đó đưa ra các đề xuất khắc phục (nếu có)	1	Bộ
17	Bảo dưỡng Hệ thống xử lý khí thải phòng thí nghiệm	+ Bảo trì toàn bộ hệ thống: - Bảo trì quạt hút, bảo trì tháp lọc, bảo trì tủ điều khiển - Vệ sinh, bảo dưỡng tổng thể thiết bị. Hiệu chỉnh các thông số của thiết bị. + Thay thế than hoạt tính, bổ sung hóa chất	1	Hệ thống
18	Bảo dưỡng Máy chụp Xquang tổng hợp Shimadu; Model UD150LC-40E Serial: 0662R84913	Bảo dưỡng toàn bộ thiết bị theo quy định của nhà sản xuất	1	Hệ thống
19	Bảo dưỡng Máy chụp Xquang kỹ thuật số Anthem-Delwork; Model: Anthem 300-500,FWFC,RT100,R221/ADHHS; Serial: 01955-0718w; 01842-0718w; 01702-0618-w, 18037	Bảo dưỡng toàn bộ thiết bị theo quy định của nhà sản xuất	1	Hệ thống
20	Bảo dưỡng Máy chụp Xquang Kỹ thuật số; Model: Anthem-ViviX-S Series; Serial: 02525-0824	Bảo dưỡng toàn bộ thiết bị theo quy định của nhà sản xuất	1	Hệ thống
21	Bảo dưỡng Máy in film khô kỹ thuật số Agfa; Model: DRYSTAR 5302; Series: 44046	Bảo dưỡng toàn bộ thiết bị theo quy định của nhà sản xuất	1	Máy
22	Bảo dưỡng Máy in film khô kỹ thuật số Agfa NV; Model: DRYSTAR 5302; Series: 75752	Bảo dưỡng toàn bộ thiết bị theo quy định của nhà sản xuất	1	Máy

## II. DANH MỤC THIẾT BỊ NHU CẦU HIỆU CHUẨN, KIỂM ĐỊNH NĂM 2026 – 2028

STT	Tên dịch vụ kiểm định/ hiệu chuẩn/ thử nghiệm	Nội dung	Chu kỳ thực hiện (thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận)	Thiết bị		Số lần mời kiểm định, hiệu chuẩn (2026-2028)	Năng lực
				Số lượng	Đơn vị		
<b>I. HIỆU CHUẨN</b>							
1	Hiệu chuẩn Cân phân tích	- Độ chính xác khối lượng - Độ lệch tâm	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	3	Cái	9	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
2	Hiệu chuẩn Cân kỹ thuật	- Độ chính xác khối lượng - Độ lệch tâm	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
3	Hiệu chuẩn Cân điện tử	Hiệu chuẩn khối lượng	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	3	Cái	9	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
4	Hiệu chuẩn Bộ quả cân chuẩn M1 Shanghai china	Khối lượng danh nghĩa (10 - 200)g	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
5	Hiệu chuẩn BOD (Thử nghiệm phương tiện đo nhu cầu oxy sinh hóa)	- Hiệu chuẩn nhiệt độ BOD ở 20 độ C	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương

STT	Tên dịch vụ kiểm định/ hiệu chuẩn/ thử nghiệm	Nội dung	Chu kỳ thực hiện (thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận)	Thiết bị		Số lần mời kiểm định, hiệu chuẩn (2026-2028)	Năng lực
				Số lượng	Đơn vị		
6	Hiệu chuẩn Máy đo nhu cầu oxi hóa sinh COD (Hiệu chuẩn phương tiện đo nhu cầu oxy hóa học (COD))	- Hiệu chuẩn nhiệt độ COD ở 150 độ C	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
7	Hiệu chuẩn Máy đo pH	(0,00 - 14,00)pH	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	
8	Hiệu chuẩn Máy phân tích mẫu hiện trường (pH, độ dẫn, muối, OD) (Hiệu chuẩn máy đo đa chỉ tiêu)	Hiệu chuẩn 3 chỉ tiêu: pH, độ dẫn, TSS.	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
9	Hiệu chuẩn Máy đo chất lượng nước đa chỉ tiêu cầm tay (Máy đo độ đục)	Hiệu chuẩn chỉ tiêu: độ đục	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương

STT	Tên dịch vụ kiểm định/ hiệu chuẩn/ thử nghiệm	Nội dung	Chu kỳ thực hiện (thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận)	Thiết bị		Số lần mời kiểm định, hiệu chuẩn (2026-2028)	Năng lực
				Số lượng	Đơn vị		
10	Hiệu chuẩn Máy đo chất lượng nước đa chỉ tiêu cầm tay	pH: 0-14 Nhiệt độ 4 đến 55oC Thế oxy hoá khử: +/-2000mV DO: 0-50mg/L Độ dẫn Cond: 0-100mS/cm TDS: 0 - 200 mg/L. Độ đục: ≤800NTU.	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	
11	Hiệu chuẩn Tủ sấy	- Hiệu chuẩn nhiệt độ - Độ chính xác nhiệt độ	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
12	Hiệu chuẩn Tủ sấy	Hiệu chuẩn nhiệt độ (1-2 điểm) (theo phạm vi yêu cầu của khoa sử dụng)	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	4	Cái	12	
13	Hiệu chuẩn Tủ ẩm	Hiệu chuẩn nhiệt độ (1-2 điểm)(theo phạm vi yêu cầu của	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	11	Cái	33	

STT	Tên dịch vụ kiểm định/ hiệu chuẩn/ thử nghiệm	Nội dung	Chu kỳ thực hiện (thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận)	Thiết bị		Số lần mời kiểm định, hiệu chuẩn (2026-2028)	Năng lực
				Số lượng	Đơn vị		
		khoa sử dụng)					
14	Hiệu chuẩn Tủ mát	Hiệu chuẩn nhiệt độ (1-2 điểm) (theo phạm vi yêu cầu của khoa sử dụng)	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	7	Cái	21	
15	Hiệu chuẩn Tủ lạnh	Hiệu chuẩn nhiệt độ (1-2 điểm) (theo phạm vi yêu cầu của khoa sử dụng)	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	3	Cái	9	
16	Hiệu chuẩn Tủ lạnh âm	Hiệu chuẩn nhiệt độ (1-2 điểm) (theo phạm vi yêu cầu của khoa sử dụng)	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	3	Cái	9	
17	Hiệu chuẩn Tủ lạnh âm sâu	Hiệu chuẩn nhiệt độ (1-2 điểm) (theo phạm vi yêu cầu của khoa sử dụng)	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	2	Cái	6	
18	Hiệu chuẩn Máy ủ Elisa	Hiệu chuẩn nhiệt độ (theo phạm vi yêu cầu của khoa sử dụng)	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	

STT	Tên dịch vụ kiểm định/ hiệu chuẩn/ thử nghiệm	Nội dung	Chu kỳ thực hiện (thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận)	Thiết bị		Số lần mời kiểm định, hiệu chuẩn (2026-2028)	Năng lực
				Số lượng	Đơn vị		
19	Hiệu chuẩn máy đọc Elisa	(200 - 999) nm (0,0 - 4,0) OD	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	
20	Hiệu chuẩn Nội cách thủy	Hiệu chuẩn nhiệt độ (1-2 điểm) (theo phạm vi yêu cầu của khoa sử dụng)	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	
21	Hiệu chuẩn Nội hấp ướt ( DA - ADB)	Áp suất đến 0,35 Mpa Nhiệt độ (105-135 oC)	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	
22	Thử nghiệm Nội hấp tiết trùng	Thử nghiệm dùng BI & CI	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	4	Cái	12	
23	Thử nghiệm Kho lạnh bảo quản hóa chất, sinh phẩm, dược phẩm, Vắc xin	Kiểm tra nhiệt độ, độ ẩm kho lạnh Kích thước phủ bì: Chiều dài: 3,2 m, chiều rộng: 2,5 m, chiều cao: 2,5m, điểm đo tối thiểu 10 điểm. Đo liên tục tối thiểu trong 5 ngày	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Phòng	3	
24	Hệ thống cảnh báo giám sát nhiệt độ (Hệ thống theo dõi, giám sát, cảnh báo	Hiệu chuẩn nhiệt độ	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	

STT	Tên dịch vụ kiểm định/ hiệu chuẩn/ thử nghiệm	Nội dung	Chu kỳ thực hiện (thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận)	Thiết bị		Số lần mời kiểm định, hiệu chuẩn (2026-2028)	Năng lực
				Số lượng	Đơn vị		
	nhiệt độ bảo quản vắc xin)						
25	Hiệu chuẩn Nhiệt ẩm kế	Nhiệt độ (-20 - 40) °C Độ ẩm (10 - 90)%RH	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	14	Cái	42	
26	Hiệu chuẩn Nhiệt ẩm kế	Nhiệt độ (-40 - 85) °C Độ ẩm (0 - 100) % RH	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	13	Cái	39	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
27	Hiệu chuẩn Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng	Nhiệt độ (-30 - 50) °C	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	5	Cái	15	
28	Hiệu chuẩn nhiệt kế tử lạnh	Phạm vi đo: (-30 - 50) °C Độ phân giải: 1 độ C	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	20	Cái	60	
29	Hiệu chuẩn Nhiệt kế điện tử đầu dò	Hiệu chuẩn nhiệt độ (theo phạm vi yêu cầu của khoa sử dụng)	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	
30	Hiệu chuẩn Nhiệt kế chỉ thị hiện số và tương tự Ges.gesch	Nhiệt độ (-30 - 50)°C	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương

STT	Tên dịch vụ kiểm định/ hiệu chuẩn/ thử nghiệm	Nội dung	Chu kỳ thực hiện (thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận)	Thiết bị		Số lần mời kiểm định, hiệu chuẩn (2026-2028)	Năng lực
				Số lượng	Đơn vị		
31	Thử nghiệm Tủ an toàn sinh học cấp 2	Thử nghiệm: - Hiệu suất lọc Hepa - Hướng dòng khí - Đo tốc độ gió hút vào tủ - Đo tốc độ gió thổi xuống bề mặt Đo độ rơi - Đo cường độ đèn tím - Đo độ ồn - Đo độ sạch	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	6	Cái	18	
32	Hiệu chuẩn Máy ly tâm	Hiệu chuẩn tốc độ vòng quay $\geq 5$ mức (theo phạm vi yêu cầu của khoa sử dụng)	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	2	Cái	6	
33	Hiệu chuẩn Máy ly tâm lạnh	Hiệu chuẩn tốc độ vòng quay và nhiệt độ (theo phạm vi yêu cầu của khoa sử dụng)	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	

STT	Tên dịch vụ kiểm định/ hiệu chuẩn/ thử nghiệm	Nội dung	Chu kỳ thực hiện (thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận)	Thiết bị		Số lần mời kiểm định, hiệu chuẩn (2026-2028)	Năng lực
				Số lượng	Đơn vị		
34	Hiệu chuẩn Bộ lấy mẫu bụi khí thải lò đốt	- Độ chính xác của thiết bị. - Hiệu chuẩn các thông số: Nhiệt độ, áp suất, lưu lượng, ...	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
35	Hiệu chuẩn Bộ lấy mẫu hơi khí thải lò đốt	- Độ chính xác của thiết bị. - Hiệu chuẩn các thông số: Lưu lượng, ...	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
36	Hiệu chuẩn Thiết bị đo và phân tích khí thải	- Độ chính xác của thiết bị. - Hiệu chuẩn các thông số: CO, O <sub>2</sub> , ...	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
37	Hiệu chuẩn Máy đo môi trường	Hiệu chuẩn các sensor (CO, CO <sub>2</sub> , NO <sub>2</sub> , O <sub>2</sub> , NH <sub>3</sub> , H <sub>2</sub> S) Xác định độ không đảm bảo đo	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
38	Hiệu chuẩn Máy đo môi trường	- Độ chính xác của thiết bị. - Hiệu chuẩn các thông số: Cl <sub>2</sub> , NH <sub>3</sub> , H <sub>2</sub> S, CO.	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương

STT	Tên dịch vụ kiểm định/ hiệu chuẩn/ thử nghiệm	Nội dung	Chu kỳ thực hiện (thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận)	Thiết bị		Số lần mời kiểm định, hiệu chuẩn (2026-2028)	Năng lực
				Số lượng	Đơn vị		
39	Hiệu chuẩn Máy đo môi trường	- Độ chính xác của thiết bị. - Hiệu chuẩn các thông số: CO, CO <sub>2</sub> , NO <sub>2</sub> , SO <sub>2</sub> , O <sub>2</sub> .	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
40	Hiệu chuẩn Máy đo clo dư cầm tay	0-5mg/L	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	
41	Hiệu chuẩn Máy đo bụi toàn phần điện tử hiện số	Phạm vi đo 0,001 mg/m <sup>3</sup> ÷250g/m <sup>3</sup>	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
42	Hiệu chuẩn Máy đo bụi có phân tích giải kích thước hạt	Phạm vi đo: 0,3÷5,0µm	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
43	Hiệu chuẩn Máy đo bụi điện tử hiện số	Dải đo: 0.01 – 10 mg/m <sup>3</sup>	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	2	Cái	6	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
44	Hiệu chuẩn Máy lấy mẫu bụi	Phạm vi đo: 0-5LPM; Độ phân giải: 0,25LPM	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	7	Cái	21	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương

STT	Tên dịch vụ kiểm định/ hiệu chuẩn/ thử nghiệm	Nội dung	Chu kỳ thực hiện (thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận)	Thiết bị		Số lần mời kiểm định, hiệu chuẩn (2026-2028)	Năng lực
				Số lượng	Đơn vị		
45	Hiệu chuẩn Trạm lấy mẫu bụi thể tích lớn	Lưu lượng kế khí chuẩn, Độ KĐB: 2,1 %t.đ	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
46	Hiệu chuẩn Trạm lấy mẫu lưu lượng lớn	Phạm vi đo: 0,00 - 2,23 m <sup>3</sup> /phút	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
47	Hiệu chuẩn Máy đo độ ồn tích phân Class 1	Nguồn độ ồn, Độ KĐB: 0,08 đb	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
48	Hiệu chuẩn Máy đo ồn có phân tích giải tần số	Dải hiệu chuẩn tất cả các giải tần số '+ Tại Octave 32Hz đến 8kHz '+ Tại Octave 1/3: 25 Hz đến 12,5Hz (30-143dB)	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
49	Hiệu chuẩn Máy đo ồn cá nhân	Dải đo: 30 đến 140dB	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	2	Cái	6	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương

STT	Tên dịch vụ kiểm định/ hiệu chuẩn/ thử nghiệm	Nội dung	Chu kỳ thực hiện (thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận)	Thiết bị		Số lần mời kiểm định, hiệu chuẩn (2026-2028)	Năng lực
				Số lượng	Đơn vị		
50	Hiệu chuẩn Máy đo độ ồn phân tích dải tần	Phạm vi đo (28 - 130) dB	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
51	Hiệu chuẩn Máy đo rung có phân tích giải tần	Phạm vi đo: +- 4900 m/s <sup>2</sup> pk Độ chia: 0,001 m/s <sup>2</sup>	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
52	Hiệu chuẩn Máy đo điện từ trường tần số công nghiệp	Dải tần: 30 Hz - 2 kHz Dải đo: 0.2 mG - 20 G, 1V/m- 200 kV/m	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
53	Hiệu chuẩn Máy đo bức xạ nhiệt PCE	Dải đo từ 0 - 2000 W/m <sup>2</sup>	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
54	Hiệu chuẩn phương tiện đo quang phổ tử ngoại khả kiến (UV Vis)	Bước sóng (190 - 1100)nm Độ hấp phụ (-0,5 - 3,999)Abs	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
55	Hiệu chuẩn Máy pha chế môi trường nuôi cấy – VS	Thể tích đặt (0,1 - 9999)mL	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	

STT	Tên dịch vụ kiểm định/ hiệu chuẩn/ thử nghiệm	Nội dung	Chu kỳ thực hiện (thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận)	Thiết bị		Số lần mời kiểm định, hiệu chuẩn (2026-2028)	Năng lực
				Số lượng	Đơn vị		
56	Hiệu chuẩn Máy đo vi khí hậu (Thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm điện tử/ Thiết bị đo tốc độ gió)	Nhiệt độ (5-16-18-20-30-32-34oC); Độ ẩm (40-50-60-70-80%) Tốc độ gió (0,5-1-5-10-20-30-40m/s)	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	5	Cái	15	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
57	Hiệu chuẩn Máy đo ánh sáng (Phương tiện đo độ rọi)	Độ rọi của thiết bị (0-20.000 lux)	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	5	Cái	15	
58	Hiệu chuẩn Micropipette đơn kênh, đa mức	Hiệu chuẩn nhiệt độ (1-2 điểm) (theo phạm vi yêu cầu của khoa sử dụng)	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	5	Cái	15	
59	Hiệu chuẩn Micropipette đa kênh đa mức	Hiệu chuẩn nhiệt độ (1-2 điểm) (theo phạm vi yêu cầu của khoa sử dụng)	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	2	Cái	6	
60	Hiệu chuẩn Máy định vị vệ tinh GPS	Thu tín hiệu vệ tinh GPS, sai số vị trí +/- 3m	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	
61	Hiệu chuẩn Máy lấy mẫu khí lưu lượng lớn	Phạm vi đo (30-270)LPM	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương

STT	Tên dịch vụ kiểm định/ hiệu chuẩn/ thử nghiệm	Nội dung	Chu kỳ thực hiện (thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận)	Thiết bị		Số lần mời kiểm định, hiệu chuẩn (2026-2028)	Năng lực
				Số lượng	Đơn vị		
62	Hiệu chuẩn Máy đo chức năng hô hấp	Phạm vi đo (0,05 - 14)L/s	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	2	Cái	6	Quy trình thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 được công nhận bởi Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) hoặc tương đương
<b>II. KIỂM ĐỊNH</b>							
1	Kiểm định Cân phân tích	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	3	Cái	9	
2	Kiểm định Cân kỹ thuật	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	
3	Kiểm định Hiệu chuẩn Bộ quả cân chuẩn M1 Kiểm định Shanghai china	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	
4	Kiểm định Thiết bị đo và phân tích khí thải	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	
5	Kiểm định Máy đo môi trường	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	3	Cái	9	
6	Kiểm định Hiệu chuẩn phương tiện đo quang phổ tử ngoại khả kiến (UV Vis)	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	

STT	Tên dịch vụ kiểm định/ hiệu chuẩn/ thử nghiệm	Nội dung	Chu kỳ thực hiện (thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận)	Thiết bị		Số lần mời kiểm định, hiệu chuẩn (2026-2028)	Năng lực
				Số lượng	Đơn vị		
7	Kiểm định Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	7	Thiết bị	21	
8	Kiểm định Tỷ trọng kế (dải đo 35-70 <sup>0</sup> )	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	
9	Kiểm định Tỷ trọng kế (dải đo 0-35 <sup>0</sup> )	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	
10	Kiểm định Máy phân tích mẫu hiện trường (pH, độ dẫn, muối, OD) (Hiệu chuẩn máy đo đa chỉ tiêu)	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	
11	Kiểm định Máy đo chất lượng nước đa chỉ tiêu cầm tay (Máy đo độ đục)	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	
12	Kiểm định Máy đo chất lượng nước đa chỉ tiêu cầm tay	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	2	Cái	6	
13	Kiểm định Bộ quang phổ hấp thụ nguyên tử	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	

STT	Tên dịch vụ kiểm định/ hiệu chuẩn/ thử nghiệm	Nội dung	Chu kỳ thực hiện (thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận)	Thiết bị		Số lần mời kiểm định, hiệu chuẩn (2026-2028)	Năng lực
				Số lượng	Đơn vị		
14	Kiểm định Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	
15	Kiểm định Máy đo vi khí hậu	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	5	Cái	15	
16	Kiểm định Máy đo ánh sáng	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	5	Cái	15	
17	Kiểm định Máy đo độ ồn	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	2	Cái	6	
18	Kiểm định X-quang tổng hợp	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	3	Cái	9	
19	Kiểm xạ Phòng đặt máy X-quang	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	3	Cái	9	
20	Kiểm định huyết áp kế	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	9	Cái	27	
21	Kiểm định huyết áp điện tử	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	20	Cái	60	

STT	Tên dịch vụ kiểm định/ hiệu chuẩn/ thử nghiệm	Nội dung	Chu kỳ thực hiện (thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận)	Thiết bị		Số lần mời kiểm định, hiệu chuẩn (2026-2028)	Năng lực
				Số lượng	Đơn vị		
22	Kiểm định áp kế	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	3	Cái	9	
23	Kiểm định cân bàn điện tử đến 200kg	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	8	Cái	24	
24	Kiểm định nhiệt ẩm kế	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	11	Cái	33	
25	Kiểm định phương tiện đo điện tim	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	
26	Kiểm định phương tiện đo điện não	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	
27	Kiểm định Máy đo clo dư cầm tay	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	
28	Kiểm định Máy định vị vệ tinh GPS	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	
29	Kiểm định Máy đo khúc xạ tự động	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	2	Cái	6	

STT	Tên dịch vụ kiểm định/ hiệu chuẩn/ thử nghiệm	Nội dung	Chu kỳ thực hiện (thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận)	Thiết bị		Số lần mời kiểm định, hiệu chuẩn (2026-2028)	Năng lực
				Số lượng	Đơn vị		
30	Kiểm định Tủ sấy	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	3	Cái	9	
31	Kiểm định cân lòng máng ( Nhi )	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	
32	Kiểm định Nồi hấp tiệt trùng	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	5	Cái	15	
33	Kiểm định bình oxy	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	
34	Kiểm định bình CO2	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	3	
35	Kiểm định hệ thống kho lạnh	Kiểm định theo quy định hiện hành	Theo quy định hiện hành hoặc tối thiểu 12 tháng/giấy chứng nhận	1	Cái	1	

## PHỤ LỤC 2

(Kèm theo yêu cầu báo giá số 571/TTKSBT-TCGXDKH&LCNT ngày 30/3/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh)

### BÁO GIÁ

**Kính gửi:** ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

**Địa chỉ:**.....

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ của hãng sản xuất, nhà cung cấp] báo giá cho các hàng hóa, dịch vụ.... như sau:

TT	Tên dịch vụ	Nội dung	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (đã bao gồm thuế VAT)	Thành tiền (VNĐ)
1						
2						
<b>Tổng cộng (đã bao gồm thuế GTGT):</b>						.....

(Kèm bảng đề xuất thông số kỹ thuật)

Chúng tôi cam kết:

1. Cam kết đáp ứng tư cách hợp lệ theo quy định tại Điều 5 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.
2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ..... ngày, kể từ ngày phát hành.
3. Đơn giá đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí, chi phí vận chuyển và các chi phí khác để hoàn thành dịch vụ tại bên mua.
4. Thời gian giao hoàn thành dịch vụ dự kiến: ..... ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng/ký hợp đồng.
5. Các thông tin chúng tôi cung cấp là hoàn toàn trung thực.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,  
nhà cung cấp**

(Ký tên, đóng dấu)